TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Dung

2. Bà Đinh Thị Út

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: thôn Nậm Chỏong, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: bản Mai 1, xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai –vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2017, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai ngày 12/10/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh C nghiện ma túy, đi lang thang, không quan tâm đến gia đình, con cái, một mình chị phải nuôi hai con nhỏ, cuộc sống khó khăn, sau đó chị đưa hai con về sống chung với mẹ đẻ ở thôn Nậm Chỏong, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai ly thân đến nay, trong thời gian ly thân anh C cũng không đi lại, quan tâm chị và thăm non các cháu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Anh, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Hoàng Kim Ánh, sinh ngày 01/12/2012. Hiện nay các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường và chị đang nuôi dưỡng hai cháu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì bản thân anh C nghiện ma túy không nuôi được bản thân, đi lang thang không ổn định.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh C để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh C vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/3/2018 nhưng bị đơn vắng mặt do đó Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp và hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn C; Về con chung: giao cháu

Hoàng Tuấn Anh, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Hoàng Kim Ánh, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Lương Thị D trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáp dục và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị Lương Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị D khởi kiện ly hôn và được nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật dân sự. Ngày 26/3/2018 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do bị đơn anh Hoàng Văn C vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh C tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, chị D và anh C chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 đúng quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị D cho rằng từ năm 2014 thì chị và anh C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, đi lang thang, không quan tâm đến gia đình, con cái, một mình chị phải nuôi hai con nhỏ, cuộc sống khó khăn, sau đó chị đưa hai con về sống chung với mẹ đẻ ở thôn Nậm Chỏong, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai sống ly thân đến nay, thời gian này anh C cũng không đi lại, thăm nom chị và các con anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh Hoàng Văn C đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng anh C vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh C đã không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện

pháp khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C là có cơ sở để Tòa chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Anh, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Hoàng Kim Ánh, sinh ngày 01/12/2012. Hiện nay các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường và chị đang nuôi dưỡng hai cháu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu, đồng thời cháu Hoàng Tuấn Anh cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D, đối với cháu Hoàng Kim Ánh hiện còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, yêu thương, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần ổn định để cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị D cho rằng hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung; anh C hiện đang nghiện ma túy, đi lang thang, không có thu nhập gì nên chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị D phải chịu án phí theo quy định của phápluật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hoàng Tuấn Anh, sinh ngày 23/01/2007 và cháu Hoàng Kim Ánh, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Lương Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001284, ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã Minh Tân, huyện Bảo Yên;
- Chi cục THADS huyện Bảo Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; tập án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tùng